

Số: 573 /2019/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 28 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ
THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 477/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Tôn Nữ Xuân A, sinh năm 1978.

Trú tại: Phòng 206 Dãy A Khu tập thể Lê Hồng P, Phú N, tỉnh Thừa Thiên H.

Địa chỉ liên lạc: 125 Nguyễn Khoa V, phường Phú B, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H.

- **Bị đơn:** Anh Trần Hữu P, sinh năm: 1975.

Trú tại: Phòng 206 Dãy A Khu tập thể Lê Hồng P, Phú N, tỉnh Thừa Thiên H.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Tôn Nữ Xuân A và anh Trần Hữu P.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau :

a.Về con chung: Chị Tôn Nữ Xuân A và anh Trần Hữu P chung sống sinh được 02 con chung tên là Trần Xuân P, sinh ngày 14/3/2006 và Trần Hữu P, sinh ngày 16/6/2011. Hiện nay các cháu đang ở với chị A.

Nay ly hôn hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận như sau: Giao hai cháu Trần Xuân P, sinh ngày 14/3/2006 và Trần Hữu P, sinh ngày 16/6/2011 cho chị Tôn Nữ Xuân A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến trưởng thành, anh Trần Hữu P tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Xuân P số tiền 2.500.000đồng/ tháng, kể từ tháng 9/2019 cho đến lúc cháu P tròn 18 tuổi và cháu Trần Hữu P số tiền 2.500.000đồng/ tháng, kể từ tháng 9/2019 cho đến lúc cháu P tròn 18 tuổi.(2.500.000 đồng/cháu x 2 cháu = 5.000.000 đồng/tháng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành số tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản.

b. Về tài sản chung: Chị A và anh P tự thỏa thuận giải quyết và đã giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c. Về nợ chung: Chị A và anh P cùng công nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Là 150.000 đồng, chị Tôn Nữ Xuân A phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn và anh Trần Hữu P phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn, nhưng anh chị tự nguyện thỏa thuận chị A chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng: Anh Trần Hữu P phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nhưng chị A và anh P tự nguyện thỏa thuận chị Tôn Nữ Xuân A chịu thay án phí cấp dưỡng cho anh Trần Hữu P là 150.000 đồng.

Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà chị Tôn Nữ Xuân A phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Tôn Nữ Xuân A đã nộp 300.000 đồng, căn cứ biên lai số 008679 ngày 26/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Nên chị A không phải nộp nữa.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSNDTP H;
- THA TP H
- TAND TỈNH TH;
- UBND xã Phú X, Phú V H đăng ký kết hôn số: 06/2004, ngày 26/2/2004;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Trần Thị Huệ